

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán	7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh tổng hợp doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 12 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 95.699.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	6.699.000	66.990.000.000	70
Các cổ đông khác	2.870.900	28.709.000.000	30
Cộng	9.569.900	95.699.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 330 855 - 38 393 054

Fax : 38 332 754

Mã số thuế : 030 117 3454

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ điện TIE	Khu sản xuất Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Phú Quốc	249 - 251 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội	133 phố Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ	29D Nguyễn Văn Linh, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng	360 Nguyễn Tri Phương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

Điều hành tua du lịch. Chi tiết:

- Điều hành tua du lịch,
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;

Vận tải hành khách đường bộ khác;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (từ kinh doanh bến bãi ô tô, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường hàng không); đại lý du lịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Kinh doanh thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại).
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - viễn thông.
- Mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp;

Sửa chữa thiết bị liên lạc (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết:

- Lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý ký gửi hàng hóa;

Hoạt động kiến trúc và kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế các mặt hàng điện tử dân dụng;

Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: sản xuất, gia công lắp ráp các mặt hàng điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:

- Kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng.
- Mua bán tư liệu sản xuất hóa chất, vật tư, nguyên phụ liệu.
- Mua bán phương tiện vận tải và phụ tùng.
- Mua bán các sản phẩm cơ khí.
- Bán buôn sản phẩm bao bì, nút, xốp.
- Bán buôn bột giấy, giấy nguyên liệu;

Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: sản xuất máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế thải nhựa – kim loại và không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất thiết bị lạnh (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:

- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- Mua bán vật liệu xây dựng;

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:

- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.
- Mua bán trang trí nội thất, hàng tiêu dùng.
- Bán buôn văn phòng phẩm;

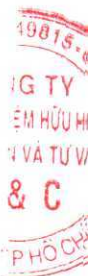
Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ lao động;

Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Thiết lập mạng lưới Internet, cung cấp dịch vụ Internet công cộng;

Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp thiết bị buro chính viễn thông (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
Vận tải hành khách đường bộ trong nội bộ thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết:
Vận chuyển hành khách bằng taxi theo hợp đồng;
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử; dịch vụ thư thoại; dịch vụ truy cập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng; dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI); dịch vụ Fax nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu trữ và truy cập; dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu; dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng; các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính viễn thông;
Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế phần mềm máy tính;
Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Chi tiết:
- Tư vấn phần mềm máy tính.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính;
Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán hàng thủy hải sản chế biến;
Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất giấy giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất mút, xốp (không hoạt động tại trụ sở);
Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;
Hoạt động viễn thông có dây;
Hoạt động viễn thông không dây;
Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở);
Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường thủy.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina cho Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. trong năm 2013 và đang thực hiện đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 39).

Trong kỳ Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 10% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2014.

Sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	27 tháng 5 năm 2011	-
Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	01 tháng 12 năm 2010	-
Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Đoàn Vinh Quang	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	30 tháng 4 năm 2014
Ông Hoàng Minh Trí	Thành viên	04 tháng 4 năm 2014	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đặng Thị Hoàng Anh	Trưởng ban	27 tháng 4 năm 2013	-
Ông Đặng Chu Dũng	Thành viên	24 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	Thành viên	27 tháng 5 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2010	-
Ông Trịnh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2014	-
Ông Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 5 năm 2014	-
Ông Đoàn Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 6 năm 2008	30 tháng 4 năm 2014

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thúy Oanh	Kế toán trưởng	30 tháng 6 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần TIE tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0716/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần TIE gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2014, từ trang 08 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2014-008-1

Handwritten signature: hao

Hoàng Thanh Hải - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0198-2014-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		346.930.346.847	304.483.968.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	109.515.978.602	96.932.405.743
1. Tiền	111		7.515.978.602	16.766.294.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.000.000.000	80.166.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		473.652.470	422.306.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(950.000.000)	(1.001.346.470)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.632.052.605	98.042.740.747
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	104.933.507.492	97.288.755.290
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.702.593.928	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	10.832.960.352	9.352.450.374
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(12.837.009.167)	(10.234.939.710)
IV. Hàng tồn kho	140		111.624.527.250	94.170.858.072
1. Hàng tồn kho	141	V.8	117.300.176.101	99.846.506.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.675.648.851)	(5.675.648.851)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.684.135.920	14.915.657.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.426.780.451	790.193.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.294.290.249	7.470.530.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	6.138.739.582	6.138.739.582
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	824.325.638	516.194.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.266.253.948	86.100.260.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.796.803.588	25.843.540.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	19.058.549.870	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		29.696.200.095	26.894.686.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.637.650.225)	(9.969.140.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.780.416.608	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(600.576.232)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	8.957.837.110	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	25.332.503.667	25.620.730.257
<i>Nguyên giá</i>	241		28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.278.370.163)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.078.443.270	34.177.980.920
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	10.440.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.217.301.248	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.578.857.978)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.058.503.423	458.008.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	748.295.084	148.008.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.208.339	310.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		439.196.600.795	390.584.228.801

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		167.453.568.482	116.378.810.353
I. Nợ ngắn hạn	310		165.453.568.482	114.378.810.353
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	107.294.105.463	65.032.633.809
2. Phải trả người bán	312	V.23	28.484.869.098	34.229.678.103
3. Người mua trả tiền trước	313		412.547.177	176.931.054
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	79.289.788	404.000.407
5. Phải trả người lao động	315		96.308.880	879.425.000
6. Chi phí phải trả	316	V.25	4.215.336.819	3.246.213.661
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	22.765.577.406	2.125.624.365
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	2.105.533.851	8.284.303.954
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.743.032.313	274.205.418.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		271.743.032.313	274.205.418.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	26.180.643.770	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		439.196.600.795	390.584.228.801

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		24.505.111.947	41.488.280.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.317.737.655	1.317.737.655
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		7.616,41	6.981,98
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 8 năm 2014



Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.398.808.041	119.545.726.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	596.494.297	352.692.732
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	178.802.313.744	119.193.033.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	170.092.299.013	114.393.655.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.710.014.731	4.799.378.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.515.964.286	17.718.912.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.716.512.043	1.917.570.014
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.611.522.500	971.781.231
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.520.187.788	7.680.496.171
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.309.304.488	7.078.424.029
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.679.974.698	5.841.800.433
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.712.790.794	2.138.197.757
12. Chi phí khác	32	VI.8	285.251.627	349.652.098
13. Lợi nhuận khác	40		2.427.539.167	1.788.545.659
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.107.513.865	7.630.346.092
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.107.513.865</u>	<u>7.630.346.092</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>743</u>	<u>797</u>

TP. Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 8 năm 2014


Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởngVũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.107.513.865	7.630.346.092
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13,14,16	1.075.088.462	874.941.565
- Các khoản dự phòng	03		3.582.003.437	1.150.170.100
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4,8	(24.398.571.266)	(17.581.496.734)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.611.522.500	971.781.231
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.022.443.002)	(6.954.257.746)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.531.477.769)	(14.838.731.658)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.453.669.178)	(13.011.736.921)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.525.336.243	2.509.846.024
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.236.873.102)	(209.458.344)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.703.322.801)	(618.377.290)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		42.580.000	55.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.27	(6.221.350.103)	(5.688.144.118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.601.219.712)	(38.755.860.053)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.782.567.236)	(9.318.992.070)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		15.680.000	310.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3,4	24.485.713.153	51.949.747.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.718.825.917	42.941.155.489

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22	144.507.396.086	41.003.202.897
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(102.245.924.432)	(34.622.785.273)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(2.795.505.000)	(4.244.062.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>39.465.966.654</i>	<i>2.136.355.624</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.583.572.859	6.321.651.060
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	96.932.405.743	17.640.183.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	109.515.978.602	23.961.834.749

TP. Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 8 năm 2014

Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại – Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 178 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 174 nhân viên).
5. **Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ**
Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina cho Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. trong năm 2013 và đang thực hiện đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
30/06/2014 : 21.290 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	438.242.329	667.891.953
Tiền gửi ngân hàng	7.077.736.273	16.098.402.679
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	102.000.000.000	80.166.111.111
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	109.515.978.602	96.932.405.743

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 92 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.22).

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	15	60.000	15	60.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cộng		1.423.652.470		1.423.652.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.001.346.470)	(2.664.492.970)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(391.212.000)
Hoàn nhập dự phòng	51.346.470	4.600.000
Số cuối kỳ	(950.000.000)	(3.051.104.970)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty ⁽ⁱ⁾	104.071.658.205	96.448.442.443
Trong đó		
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	1.941.901.421	728.500.715
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	-	12.708.552.005
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	23.862.542.581	-
Tại Chi nhánh Cần Thơ	48.992.626	130.587.486
Tại Chi nhánh Hà Nội	532.730.259	681.772.361
Tại Chi nhánh Phú Quốc	110.208.092	15.143.000
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	169.918.310	12.810.000
Cộng	104.933.507.492	97.288.755.290

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	4.526.671.928	1.636.474.793
Tại Chi nhánh Phú Quốc	175.922.000	-
Cộng	4.702.593.928	1.636.474.793

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	6.860.931	16.324.651
Công ty Chứng khoán Đông Á	306.661.461	1.032.391
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT ⁽ⁱ⁾	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Liên Lục địa	809.821.158	-
Phải thu ông Phạm Văn Hoàng ⁽ⁱⁱ⁾	5.879.892.055	5.879.892.055
Các khoản phải thu khác	619.724.747	245.201.277
Cộng	10.832.960.352	9.352.450.374

(i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông thể hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(ii) Giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội, theo bản án số 03 /2013/HSPT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hà Nội thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty thuộc về ông Phạm Văn Hoàng, Công ty đã gửi Công văn đề nghị giám đốc thẩm lại vụ án. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(850.693.066)	(734.389.654)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(791.434.519)	(692.071.099)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(54.212.386)	(40.437.395)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(5.046.161)	(1.881.160)
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi	(11.986.316.101)	(9.500.550.056)
- Ông Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
- Công ty Cổ phần Điện máy Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
- Công ty Cổ phần thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
- Phải thu Ông Phạm Văn Hoàng	(5.879.892.055)	(5.879.892.055)
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Nguyên Bảo	(1.343.229.645)	-
- Công Ty Cổ Phần Tiếp Điểm Vàng	(1.142.536.400)	-
- Công ty Cổ phần Đăng Khoa	(236.228.000)	(236.228.000)
Cộng	<u>(12.837.009.167)</u>	<u>(10.234.939.710)</u>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(10.234.939.710)	(5.805.999.621)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.602.069.457)	(260.739.400)
Số cuối kỳ	<u>(12.837.009.167)</u>	<u>(6.066.739.021)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	12.890.120	150.562.232
Nguyên liệu, vật liệu	561.608.893	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.501.738	129.008.176
Thành phẩm	1.417.964.608	971.184.846
Hàng hóa	115.218.210.742	97.206.502.018
Cộng	<u>117.300.176.101</u>	<u>99.846.506.923</u>

Giá trị hàng tồn kho tương đương 70 tỷ VND được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.22).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	657.328.523	746.362.956
Tại Chi nhánh Hà Nội	6.030.769	-
Tại Chi nhánh Phú Quốc	763.421.159	43.830.947
Cộng	<u>1.426.780.451</u>	<u>790.193.903</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

12. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cuối kỳ.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.135.015.113	26.894.686.659
Mua sắm mới	-	604.060.545	2.259.009.091	48.435.600	2.911.505.236
Giảm do thanh lý	-	-	-	(109.991.800)	(109.991.800)
Số cuối kỳ	20.018.470.793	1.772.955.802	6.831.314.587	1.073.458.913	29.696.200.095
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	801.108.280	9.969.140.108
Khấu hao trong kỳ	359.644.663	62.745.716	283.846.688	37.700.163	743.937.230
Giảm do thanh lý	-	-	-	(75.427.113)	(75.427.113)
Số cuối kỳ	6.748.022.121	644.857.864	2.481.388.910	763.381.330	10.637.650.225
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	13.270.448.672	1.128.097.938	4.349.925.677	310.077.583	19.058.549.870
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý và bản quyền phần mềm	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	557.651.590	-	557.651.590
Khấu hao trong kỳ	42.924.642	-	42.924.642
Số cuối kỳ	600.576.232	-	600.576.232
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	257.916.608	4.522.500.000	4.780.416.608

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>XDCB dở dang:</i>			
Chi phí xây dựng khu bán hàng lưu niệm và giải trí Chi nhánh Phú Quốc	4.004.630.545	4.552.873.062	8.557.503.607
Trung tâm điều hành du lịch và kinh doanh hệ thống định vị toàn cầu	-	308.090.909	308.090.909
Các công trình khác	90.022.594	2.220.000	92.242.594
Cộng	4.094.653.139	4.863.183.971	8.957.837.110

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	28.610.873.830
Số cuối kỳ	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.990.143.573
Khấu hao trong kỳ	288.226.590
Số cuối kỳ	3.278.370.163
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	25.620.730.257
Số cuối kỳ	25.332.503.667

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE EXIM ⁽ⁱ⁾	-	10.440.000.000	-	10.440.000.000
Cộng		10.440.000.000		10.440.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu các đơn vị sau:				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Công ty Cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		<u>28.217.301.248</u>		<u>28.285.558.448</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn là do Công ty bán 1.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.547.577.528)	(1.956.619.428)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.031.280.450)	(498.218.700)
Số cuối kỳ	<u>(5.578.857.978)</u>	<u>(2.454.838.128)</u>

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển	Số cuối kỳ
			vào chi phí SXKD trong kỳ	
Tại Văn phòng Công ty	120.150.542	334.350.364	(117.010.298)	337.490.608
Tại Chi nhánh Cần Thơ	5.622.967	57.331.818	(9.040.800)	53.913.985
Tại Chi nhánh Hà Nội	22.235.021	-	(14.200.509)	8.034.512
Tại Chi nhánh Phú Quốc	-	392.462.975	(43.606.996)	348.855.979
Cộng	<u>148.008.530</u>	<u>784.145.157</u>	<u>(183.858.603)</u>	<u>748.295.084</u>

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế tuy nhiên đây là số tạm tính.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	107.294.105.463	65.032.633.809
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	37.653.432.025	65.032.633.809
- Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽ⁱⁱ⁾	69.640.673.438	-
Cộng	<u>107.294.105.463</u>	<u>65.032.633.809</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 6 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.1950011/HĐTCHH-TIE (xem Thuyết minh V.8).

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay số 003/03c/TG-KHDN/2013 ngày 25 tháng 3 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (xem Thuyết minh V.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	65.032.633.809	54.951.699.117	(82.330.900.901)	37.653.432.025
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	89.555.696.969	(19.915.023.531)	69.640.673.438
Cộng	<u>65.032.633.809</u>	<u>144.507.396.086</u>	<u>(102.245.924.432)</u>	<u>107.294.105.463</u>

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	28.379.019.082	34.219.328.103
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	2.476.100.000	19.506.629.051
Công ty Cổ phần Giấy Hải Dương	7.012.500.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	5.665.748	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	4.419.431.358	89.892.796
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.465.321.976	14.622.806.256
Tại Chi nhánh Hà Nội	72.000.016	-
Tại Chi nhánh Phú Quốc	33.850.000	10.350.000
Cộng	<u>28.484.869.098</u>	<u>34.229.678.103</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.491.240.314	(2.491.240.314)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	97.472.722	(97.472.722)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	-	-	(6.138.739.582)
Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	289.448.207	(614.158.826)	79.289.788
Tiền thuê đất	-	895.336.000	(895.336.000)	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	(5.734.739.175)	3.781.497.243	(4.106.207.862)	(6.059.449.794)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.107.513.865	7.630.346.092
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	466.494.380	289.420.116
- Các khoản điều chỉnh tăng	600.622.353	289.420.116
- Các khoản điều chỉnh giảm	(134.127.973)	-
Thu nhập chịu thuế	7.574.008.245	7.919.766.208
Thu nhập được miễn thuế	(21.392.031.200)	(17.008.436.075)
Thu nhập tính thuế	(13.818.022.955)	(9.088.669.867)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh; 912 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và 52 Thành Thái, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	4.187.588.817	3.078.326.239
Chi phí lãi vay	-	91.800.301
Chi phí khác	27.748.002	76.087.121
Cộng	<u>4.215.336.819</u>	<u>3.246.213.661</u>

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	29.152.838	163.952.106
Thù lao HĐQT	339.469.299	1.350.469.299
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.277.946.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	15.119.008.412	107.651.103
Cộng	<u>22.765.577.406</u>	<u>2.125.624.365</u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.284.303.954	3.319.513.755
Tăng khác	42.580.000	-
Chi quỹ trong kỳ	(6.221.350.103)	(5.688.144.118)
Số cuối kỳ	<u>2.105.533.851</u>	<u>(2.368.630.363)</u>

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	28.709.000.000
Cộng	<u>95.699.000.000</u>	<u>95.699.000.000</u>

Cổ tức

Công ty chi trả tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 10% trên vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.795.505.000 VND (cùng kỳ năm trước là 4.244.062.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	179.398.808.041	119.545.726.579
- Doanh thu bán hàng hóa	163.732.862.512	108.923.339.202
- Doanh thu bán thành phẩm	712.340.868	1.555.772.758
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.175.600.051	587.383.002
- Doanh thu khác	6.909.090	2.561.818
- Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	7.681.071.823	3.185.661.002
- Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	2.787.096.601	3.624.875.250
- Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	290.339.490	1.555.579.018
- Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng	1.012.587.606	110.554.529
Các khoản giảm trừ doanh thu	(596.494.297)	(352.692.732)
Chiết khấu thương mại	(137.141.564)	-
Hàng bán bị trả lại	(459.352.733)	(352.692.732)
Doanh thu thuần	<u>178.802.313.744</u>	<u>119.193.033.847</u>

Trong kỳ, Công ty có phát sinh doanh thu bán giấy nguyên liệu là 32.696.828.630 VND và mua tập, văn phòng phẩm cho hoạt động kinh doanh phân phối là 26.542.188.995 VND với Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến và Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	824.497.815	1.806.535.210
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	158.186.299.817	104.970.217.230
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	7.370.700.909	2.885.931.438
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	2.453.559.844	3.194.781.958
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	267.067.241	1.429.066.697
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	990.173.387	107.123.280
Cộng	<u>170.092.299.013</u>	<u>114.393.655.813</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.093.681.953	534.660.659
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.251.133	136.566.233
Lãi/cổ tức các khoản đầu tư	21.392.031.200	17.008.436.075
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	849.646
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	38.400.000
Cộng	24.515.964.286	17.718.912.613

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.611.522.500	971.781.231
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	52.577.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.349.368	58.278.341
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	979.933.980	884.830.700
Chi phí khác	2.128.995	2.679.742
Cộng	4.716.512.043	1.917.570.014

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.310.945.699	3.132.679.591
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.794.725	33.386.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497.258.193	365.794.207
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	311.028.123	64.836.571
Chi phí bảo hành	122.759.056	110.780.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.193.114.729	1.410.719.300
Chi phí bằng tiền khác	6.054.287.263	2.562.299.725
Cộng	13.520.187.788	7.680.496.171

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.837.937.582	2.541.597.147
Chi phí vật liệu quản lý	90.883.986	75.412.792
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.881.630	79.697.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	577.830.269	509.043.824
Thuế, phí và lệ phí	396.331.909	100.276.250
Chi phí dự phòng	2.602.069.457	260.739.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	813.683.497	692.372.775
Chi phí bằng tiền khác	2.921.686.158	2.819.284.722
Cộng	10.309.304.488	7.078.424.029

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà cung cấp	2.687.164.410	1.900.485.575
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10 do chưa chuyển giao	-	160.273.000
Thu khác	25.626.384	77.439.182
Cộng	2.712.790.794	2.138.197.757

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	34.564.687	-
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10	160.273.000	160.273.000
Chi phí khác	90.413.940	189.379.098
Cộng	285.251.627	349.652.098

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.107.513.865	7.630.346.092
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.107.513.865	7.630.346.092
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.569.900	9.569.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	743	797

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.388.358.942	1.618.935.060
Chi phí nhân công	7.457.994.094	6.188.922.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.075.088.462	878.368.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.007.998.226	2.134.116.778
Chi phí khác	12.127.067.343	5.929.106.075
Cộng	25.056.507.067	16.749.448.416

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn và mua cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn, Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 4.590.000.000 VND tương đương 51%.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	696.024.545	582.896.428
Tiền thưởng	399.100.000	402.802.000
Thù lao	575.000.000	479.900.000
Cộng	1.670.124.545	1.465.598.428

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - EXIM Thu lại tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10	-	160.273.000
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV Cổ tức	6.699.000.000	-
Lãi vay	-	180.555.556

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV Cổ tức phải trả	6.699.000.000
Cộng nợ phải trả	6.699.000.000	-

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung tại thị trường Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Khoản phải thu khác của Công ty không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản trương đương tiền	109.515.978.602	-	-	109.515.978.602
Phải thu khách hàng	85.551.337.211	13.725.975.246	5.656.195.035	104.933.507.492
Các khoản phải thu khác	2.046.415.705	-	9.089.892.055	11.136.307.760
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.112.095.740	-	6.528.857.978	29.640.953.718
Cộng	220.225.827.258	13.725.975.246	21.274.945.068	255.226.747.572

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.932.405.743	-	-	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	67.039.257.828	27.570.207.752	2.679.289.710	97.288.755.290
Các khoản phải thu khác	556.233.668	-	9.089.892.055	9.646.125.723
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	<u>188.688.184.159</u>	<u>27.570.207.752</u>	<u>17.318.105.763</u>	<u>233.576.497.674</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.616,41	6.981,98
Phải trả người bán	(276.774,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	<u>(269.157,59)</u>	<u>(157.456,02)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất cố định nhất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 107.294.105.463 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 92 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.1), Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.515.978.602	-	96.932.405.743	-	109.515.978.602	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	104.933.507.492	(3.747.117.112)	97.288.755.290	(1.145.047.655)	101.186.390.380	96.143.707.635
Các khoản phải thu khác	11.136.307.760	(9.089.892.055)	9.646.125.723	(9.089.892.055)	2.046.415.705	556.233.668
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.640.953.718	(6.528.857.978)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.112.095.740	24.160.286.920
Cộng	255.226.747.572	(19.365.867.145)	233.576.497.674	(15.783.863.708)	235.860.880.427	217.792.633.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	107.294.105.463	65.032.633.809	107.294.105.463	65.032.633.809
Phải trả người bán	28.484.869.098	34.229.678.103	28.484.869.098	34.229.678.103
Các khoản phải trả khác	4.343.301.902	3.353.864.764	4.343.301.902	3.353.864.764
Cộng	140.122.276.463	102.616.176.676	140.122.276.463	102.616.176.676

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2014



Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

